TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 659/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1968; thường trú: Thôn P, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Số nhà 2/25 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hà Văn L, sinh năm 1961; thường trú: Thôn P, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Số nhà 2/25 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị N và ông Hà Văn L tìm hiểu nhau khoảng 06 (sáu) tháng thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa vào năm

1989, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 63/1989 ngày 17/12/1989. Sau khi kết hôn hai vợ chồng bà N sinh sống cùng gia đình cha mẹ chồng tại xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa được khoảng 04 năm thì ông L chuyển vào Miền Nam sinh sống, không trở về quê. Đến khoảng năm 2000, bà N cùng hai con vào Miền Nam tìm ông L rồi sinh sống ở địa bàn thành phố Dĩ An cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng bà N không hạnh phúc ngay từ khi kết hôn nguyên nhân do trước khi kết hôn hai vợ chồng tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn dẫn đến việc chưa hiểu được rõ tính tình của nhau. Bà N và ông L bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Ông L thường tụ tập bạn bè ăn nhậu, sau mỗi lần nhậu lại kiếm cớ gây sự với bà N. Ngoài ra, ông L đi làm xa, mỗi năm chỉ về nhà được một vài lần khi có việc, dẫn đến việc bà N và các con không nhận được sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc của ông L, mọi việc trong nhà do một mình bà N quán xuyến, hai người con của bà N từ nhỏ đã thiếu vắng tình thương của cha. Hai vợ chồng bà N đã sống ly thân khoảng 20 năm nay. Vì thương các con nên bà N đã cố gìn giữ gia đình mong có ngày ông L sẽ thay đổi để gia đình được hạnh phúc nhưng thời gian dài trôi qua ông L vẫn không thay đổi. Bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn và không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Hà Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung, anh Hà Văn D, sinh năm 1990 và chị Hà Thúy M, sinh năm 1993. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 7 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Hà Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Văn L thống nhất như trình bày của bà Hoàng Thị N về thời gian tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn. Ông L xác định cuộc sống vợ chồng tuy không được hạnh phúc nhưng không mâu thuẫn trầm trọng như bà N trình bày. Mâu thuẫn gia đình xuất phát chủ yếu từ việc hai vợ chồng không cùng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không có sự tin tưởng nhau. Ông L đi làm xa thường xuyên vắng nhà nhưng vẫn phụ tiền cho bà N để chăm sóc các con. Từ đầu năm 2020 đến nay ông đã chuyển về sinh sống với bà N, không đi làm xa như trước. Ông L xác định vẫn còn tình cảm, thương yêu bà N nên không đồng ý ly hôn mà đề nghị bà N cho ông cơ hội để vợ chồng được đoàn tụ. Vì cả hai vợ chồng đều đã lớn tuổi, con đã trưởng thành nên ông cần người chăm sóc và nương tựa khi già yếu.

Về con chung: Thống nhất như trình bày của bà Hoàng Thị N. Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung, anh Hà Văn D, sinh năm 1990 và chị Hà Thúy M, sinh năm 1993. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, ông Hà Văn L và bà Hoàng Thị N có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Bà Hoàng Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Hà Văn L. Ông Hà Văn L cư trú tại nhà số 2/25 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị N và ông Hà Văn L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 17/12/1989 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63/1989 nên quan hệ hôn nhân của bà Hoàng Thị N và ông Hà Văn L là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Hoàng Thị N và bị đơn ông Hà Văn L đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Ngoài ra, ông L đi làm xa nên không có thời gian để chăm sóc cho gia đình. Đây là sự thật, được các đương sự thừa nhận nên là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Hoàng Thị N xác định mâu thuẫn của hai vợ chồng tồn tại trong thời gian dài, đã thật sự trầm trọng, hôn nhân giữa bà N và ông L chỉ tồn tại trên danh nghĩa còn về thực tế từ khi ông L chuyển vào Miền Nam sinh sống năm 1994, hai vợ chồng đã không còn dành tình cảm yêu thương, chăm sóc cho nhau, hai vợ chồng không còn sinh sống với nhau gần 20 năm. Ngoài ra, ông L không tin tưởng bà N, thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu bia rồi gây sự với bà N, sự việc này có hai người con của bà N chứng kiến. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến việc bà N không còn tình cảm và muốn yêu cầu ly hôn với ông L. Ông Hà

Văn L tuy không thống nhất toàn bộ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng như bà N trình bày nhưng ông L thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng không có sự tin tưởng, ông thường xuyên phải đi làm xa nên không thể dành thời gian để chăm sóc cho vợ con, ông L cũng thừa nhận chỉ mới chuyển về sinh sống cùng bà N từ đầu năm 2020 đến nay, trước đây ông sống cùng gia đình họ hàng tại tỉnh Bình Phước. Ông L xác định còn tình cảm và muốn đoàn tụ với bà N nhưng không có biện pháp gì để hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, để mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, dẫn đến việc bà N không còn tình cảm và không muốn đoàn tụ với ông L.

Xét để hôn nhân hạnh phúc thì cả hai vợ chồng phải có sự quan tâm, chăm sóc nhau, có sự chia sẻ, đồng cảm, có sự tin tưởng và có nghĩa vụ chung sống cùng nhau. Bà Hoàng Thị N và ông Hà Văn L tuy là vợ chồng nhưng không chung sống với nhau dưới một mái nhà trong khoảng thời gian dài, không có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu, không có sự đồng cảm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hai vợ chồng biết rõ mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn, để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tại bản tự khai ngày 20/7/2020 hai người con chung của bà N và ông L là anh Hà Văn D và chị Hà Thúy M xác định mâu thuẫn vợ chồng của bà N đã diễn ra trong thời gian dài, không thể hàn gắn, không thể cùng chung sống. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Hoàng Thị N và ông Hà Văn L đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Hoàng Thị N yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà Hoàng Thị N và ông Hà Văn L có hai con chung, anh Hà Văn D, sinh năm 1990 và chị Hà Thúy M, sinh năm 1993. Hiện con chung đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị N được ly hôn với ông Hà Văn L (Giấy chứng nhận kết hôn số 63/1989 do Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 17/12/1989).

2. Về con chung: Đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Hoàng Thị N và ông Hà Văn L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0040911 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quyết